

Số: 10/2020/QĐST-HNGĐ

*K, ngày 03 tháng 8 năm 2020*

**QUYẾT ĐỊNH  
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN  
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN KS, TỈNH KHÁNH HÒA**

Căn cứ Điều 212, 213 và Điều 397 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 55; Điều 81, 82, 83 và Điều 84 Luật Hôn nhân và Gia đình;

Căn cứ Luật Phí và Lệ phí năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc dân sự thụ lý số 11/2020/TLST - HNGĐ ngày 15 tháng 7 năm 2020, về “*Yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn, nuôi con chung và cấp dưỡng nuôi con*” gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

***Người yêu cầu giải quyết việc dân sự:***

- Chị **Cao Thị K** - sinh năm 1986.

Nơi cư trú: Thôn Li, xã S, huyện KS, tỉnh Khánh Hoà.

- Anh **Mẫu N** - sinh năm 1977.

Hộ khẩu thường trú: Thôn L, xã S, huyện KS, tỉnh Khánh Hoà.

Chỗ ở hiện nay: Thôn S, xã B, huyện KS, tỉnh Khánh Hòa.

**NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

[1] *Về quan hệ hôn nhân*: Chị Cao Thị K và anh Mẫu N tự nguyện chung sống và kết hôn với nhau từ năm 2012, có đăng ký kết hôn và được Ủy ban nhân dân xã SB, huyện KS, tỉnh Khánh Hòa cấp giấy chứng nhận kết hôn số 32/2012, ngày 06/11/2012. nên đây là hôn nhân hợp pháp.

*Quá trình chung sống*: Sau khi kết hôn thời gian đầu vợ chồng anh, chị sống với nhau hòa thuận hạnh phúc và đã có với nhau 03 con chung, nhưng từ đến năm 2013 vợ chồng chị thường xuyên xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân là do vợ chồng tính tình không hợp nhau, anh Mẫu N hay đi làm xa ít quan tâm đến vợ con, vợ chồng đã nhiều lần sống ly thân để ở riêng rồi quay lại sống với nhau, nhưng thường xuyên cãi nhau, không thể hòa giải được. Từ năm 2018 đến nay vợ chồng anh, chị đã sống ly thân và không quan tâm chăm sóc đến nhau nữa, nay chị K và anh N cho rằng mâu thuẫn vợ chồng quá trầm trọng, vợ chồng không thể tiếp tục chung sống với nhau được nữa, mục đích hôn nhân không đạt được. Tòa án đã tiến hành hòa giải để vợ chồng anh, chị đoàn tụ nhưng không thành, vì vậy anh, chị yêu cầu Tòa án công nhận thuận tình ly hôn, nên cần áp dụng

Điều 55 Luật Hôn nhân và gia đình để chấp nhận yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn của vợ chồng anh, chị.

[2] *Về con chung*: Vợ chồng chị K và anh N có 03 con chung là cháu Cao Thị Kim X - sinh ngày 26/11/2013, cháu Cao Thị Kim H - sinh ngày 19/9/2017 và cháu Cao Anh H1 – sinh ngày 19/12/2018; vợ chồng chị K và anh N thỏa thuận như sau: Chị Cao Thị K trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cháu Cao Thị Kim X, cháu Cao Thị Kim H và cháu Cao Anh H1; anh Mầu N cấp dưỡng nuôi con mỗi cháu, mỗi tháng 500.000 đồng (*Năm trăm nghìn đồng*), thời gian cấp dưỡng tính từ tháng 8/2020 cho đến khi cháu X, cháu H và cháu H1 lần lượt đủ 18 tuổi.

[3] *Về tài sản chung*: Chị Cao Thị K và anh Mầu N không có tài sản chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xét.

Các khoản nợ chung: Không có.

[4] *Về lệ phí*: Chị Cao Thị K và anh Mầu N mỗi người nộp 150.000 đồng (*một trăm năm mươi nghìn đồng*) lệ phí việc dân sự sơ thẩm về “*Yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn, nuôi con chung và cấp dưỡng nuôi con*” theo quy định của pháp luật.

- *Về các vấn đề khác*: Không có.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập Biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn hòa giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

### **QUYẾT ĐỊNH:**

[1]. Công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- *Về quan hệ hôn nhân*: Chị Cao Thị K và anh Mầu N thuận tình ly hôn.

- *Về con chung*: Chị Cao Thị K trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cháu Cao Thị Kim X - sinh ngày 26/11/2013, cháu Cao Thị Kim H - sinh ngày 19/9/2017 và cháu Cao Anh H1 - sinh ngày 19/12/2018; anh Mầu N cấp dưỡng nuôi con mỗi cháu, mỗi tháng 500.000 đồng (*Năm trăm nghìn đồng*), thời gian cấp dưỡng tính từ tháng 8/2020 cho đến khi cháu X, cháu H và cháu H1 lần lượt đủ 18 tuổi.

Các bên có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con, cấp dưỡng nuôi con. Người không trực tiếp nuôi con có quyền thăm nom con; không ai được cản trở người đó thực hiện quyền này.

- *Về tài sản chung*: Chị Cao Thị K và anh Mầu N không có tài sản chung không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xét.

[2]. *Về lệ phí Tòa án*: Chị Cao Thị K và anh Mầu N mỗi người nộp 150.000 đồng (*một trăm năm mươi nghìn đồng*) lệ phí dân sự sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền 300.000 đồng (*ba trăm nghìn đồng*) mà chị K và anh N đã nộp theo biên lai thu tiền tạm ứng lệ phí Tòa án số AA/2019/0000314 ngày 15/7/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Khánh Sơn, tỉnh Khánh Hòa. Chị Cao Thị K và anh Mầu N đã nộp đủ tiền lệ phí dân sự sơ thẩm.

[3]. *Quy định*: Kể từ ngày Quyết định có hiệu lực pháp luật hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án (đối với các khoản tiền phải thi hành án cho người được thi

hành án) mà chưa thi hành án xong tất cả các khoản tiền, thì hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015.

Trường hợp bản án được thi hành theo Điều 2 Luật Thi hành án dân sự, thì người được thi hành án, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án; quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

[4]. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

**Nơi nhận:**

- Các đương sự;
- TAND tỉnh Khánh Hòa;
- VKSND tỉnh Khánh Hòa;
- VKSND huyện KS;
- Chi cục THADS huyện KS;
- UBND xã SB ,huyện KS;
- Lưu hồ sơ, án văn.

**THẨM PHÁN**

**TRƯƠNG VĂN VƯƠNG**